Sao y; UBND; 06/02/2026 15:40:7

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:851 /QĐ-BKHCN	
	Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Truyền thông KHCN (để đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- VP Bộ (KSTT);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Đức Long

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL liên quan	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương				
1	Thủ tục đăng ký hỗ trợ của doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng	Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN	Viễn thông và internet	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
2	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức đặt hàng	Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN	Viễn thông và internet	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN	Viễn thông và internet	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục đăng ký hỗ trợ của doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng

Trình tự thực hiện	1. Đăng ký đặt hàng: Doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đăng ký đặt hàng. 2. Đánh giá hồ sơ năng lực của doanh nghiệp: Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoàn thành đánh giá hồ sơ của doanh nghiệp và gửi văn bản thông báo cho doanh nghiệp để thương thảo hợp đồng; trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết lý do. 3. Thương thảo hợp đồng: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá hồ sơ năng lực của doanh nghiệp theo quy định, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và doanh nghiệp đủ điều kiện đặt hàng phải hoàn thành thương thảo hợp đồng đặt hàng. 4. Phê duyệt quyết định đặt hàng: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thương thảo hợp đồng, dự thảo hợp đồng theo quy định, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt quyết định đặt hàng và gửi văn bản quyết định đặt hàng cho doanh nghiệp viễn thông biết để ký hợp đồng đặt hàng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt

	Nam phê duyệt quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc đặt hàng doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, ngoài đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện quy định tại Điều 4 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, được thực hiện khi khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông chỉ có một doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp có đề nghị được hỗ trợ từ chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, trong các trường hợp sau: - Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đối với các doanh nghiệp đã hoàn thành hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập trước đó theo phương thức đấu thầu, giao nhiệm vụ; - Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đối với các doanh nghiệp viễn thông đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở

	hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập. (Quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích. - Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

Mẫu số 02, Phụ lục I

(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN DOANH NGHIỆP Số: ……. V/v đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *... , ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-VTF ngày … tháng … năm … của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

(Tên đơn vị) đăng ký đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với các khu vực doanh nghiệp viễn thông đã tự đầu tư phát triển, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông

a) Nội dung, khối lượng thực hiện.

b) Yêu cầu về phổ cập, dịch vụ.

c) Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: ... triệu đồng, trong đó:

- Dịch vụ viễn thông di động mặt đất: Tổng số.... khu vực. Tổng kinh phí ...

- Dịch vụ Internet cố định băng rộng: Tổng số.... khu vực. Tổng kinh phí ...

d) Thuyết minh chi tiết mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ đối với từng nội dung: ….

(Chi tiết ở Biểu 02, các biểu thuyết minh chi tiết kèm theo)

đ) Các nội dung khác

e) Hồ sơ đăng ký đặt hàng gồm:

……

(Tên đơn vị) cam kết đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, số liệu báo cáo cơ quan nhà nước.

Đề nghị Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BIỂU 01

DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN, KHU VỰC ĐĂNG KÝ ĐƯỢC PHỔ CẬP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG ……..[TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

(Kèm theo văn bản số ... ngày... tháng... năm... của...)

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Mã đơn vị hành chính cấp xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lõm sóng	Thời điểm cung cấp dịch vụ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
…							

Ghi chú: Thuyết minh điều chỉnh tăng, giảm so với Quyết định phê duyệt Phương án đặt hàng.

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- *Cột (1): Ghi số thứ tự các địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;*
- *Cột (2), (3): Ghi tên tỉnh, tên xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng;*
- *Cột (4): Ghi mã đơn vị hành chính của xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng;*
- *Cột (5): Ghi tên địa bàn, khu vực thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;*
- *Cột (6): Địa điểm xác định khu vực lõm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lõm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;*
- *Cột (7): Ghi thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ (từ tháng…. năm…);*

BIỂU 02
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ
……[GHI TÊN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP]

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Năm ….						Năm ….						Tổng cộng						Ghi chú
				Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí duy trì	Chi phí thuê *(nếu có)*	Chi phí khác *(nếu có)*	Doanh thu phát sinh	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)+(7)+(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(11)+(12)+(13)+(14)-(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1																						
2																						
Tổng cộng																						

Tổng chi phí cung cấp DVVT phổ cập: ……..đồng;

Thuế VAT (nếu có):…….....đồng;

Tổng chi phí đề nghị được hỗ trợ: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2), (3), (4):Ghi tên địa bàn, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào các cột tương ứng ***(theo đơn vị hành chính mới);***

- Cột (5), cột (11): Ghi tổng chi phí khấu hao các hạng mục công trình viễn thông triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở ***Biểu 03;***

- Cột (6), cột (12): Ghi tổng chi phí duy trì các hạng mục công trình viễn thông triển khai tại các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở ***Biểu 03;***

- Cột (7), cột (13): Ghi tổng chi phí thuê các hạng mục công trình viễn thông và chi phí thuê khác của địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở ***Biểu 03*** *(nếu có);*

- Cột (8), cột (14): Ghi tổng chi phí khác của các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở ***Biểu 03*** *(nếu có);*

- Cột (9), cột (15): Ghi doanh thu phát sinh dự kiến của các địa bàn, khu vực trong năm được kê khai ở ***Biểu 03;***

- Cột (10), cột (16): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong năm;

- Cột (17) đến cột (23): Ghi tổng chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập của địa bàn, khu vực trong các năm.

BIỂU 03:

CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
ĐỊA BÀN ……
Vị trí đặt trạm:……..
Dịch vụ: …….
Thời gian thực hiện: ……

I. CHI PHÍ KHẤU HAO DỰ KIẾN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông tin về Tài sản cố định				Dự toán chi phí khấu hao				Ghi chú
				Nguyên giá tài sản cố định/tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Thời gian bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao tài sản cố định (số tháng)	Giá trị còn lại của TSCĐ (triệu đồng)	Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**											
1												
2												
….	……											
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**											
1												

2													
….	……												
		Tổng cộng											

Tổng Chi phí khấu hao đề nghị hỗ trợ: ..... đồng.
(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5): Ghi nguyên giá tài sản cố định

- Cột (6): Thời gian bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

- Cột (7): Thời gian trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

- Cột (8): Giá trị còn lại của tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông theo hướng dẫn thực hiện chương trình;

- Cột (9) đến cột (12): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông của từng năm và của cả Chương trình.

II. CHI PHÍ DUY TRÌ DỰ KIẾN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Dự toán chi phí duy trì				Ghi chú
				Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**							
1								
2								
….	……							
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**							
1								
2								
…..	**……..**							
	Tổng cộng							

Tổng chi phí duy trì đề nghị hỗ trợ: .....đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5) đến cột (8): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông của từng năm và của cả Chương trình.

III. CHI PHÍ THUÊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	**Tên hạng mục**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng**	**Chi phí thuê**				**Ghi chú**
				Năm…	**Năm…**	**…**	**Tổng**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	**CHI PHÍ THUÊ CƠ SỞ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**						[Tổng A]	
I	**[Ghi tên hạng mục công trình 1]**							
1								
2								
….	……..							
II	**[Ghi tên hạng mục công trình 2]**							
1								
2								
….	……..							
B	**CHI PHÍ THUÊ KHÁC (nếu có)**						[Tổng B]	
1	Chi phí thuê công trình hạ tầng kỹ thuật khác							

2	Chi phí mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông					
3	Thuê đường truyền dẫn, thuê dịch vụ vệ tinh của doanh nghiệp viễn thông khác					
	Tổng cộng				**[Tổng]**	

Tổng chi phí thuê đề nghị hỗ trợ: ..... đồng.
(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu	**Đại diện doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (2): Ghi tên hạng mục thuộc công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (theo Thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành);

- Cột (3): Ghi đơn vị tính của từng hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (4): Ghi khối lượng của các hạng mục công trình viễn thông;

- Cột (5) đến cột (8): Chi phí thuê cơ sở hạ tầng viễn thông (chi tiết theo các hạng mục công trình viễn thông), công trình hạ tầng kỹ thuật khác và các chi phí thuê khác theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 19 Nghị định 295/2025/NĐ-CP đề nghị được hỗ trợ của từng năm và của cả Chương trình.

IV.CHI PHÍ KHÁC (NẾU CÓ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	….	….	Chi phí khác				Ghi chú
				Năm…	Năm…	…	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Phí**							
1								
….	……..							
II	**Lệ phí**							
1								
….	……..							
III	**Thuế**							
1								
….	……..							
	Tổng cộng						**[Tổng]**	

Tổng chi phí khác: ..... đồng.

(Số tiền bằng chữ: ..... đồng).

……, ngày ….. tháng ….. năm .....

Người Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- *Cột (2): Ghi nội dung chi phí khác;*
- *Cột (5) đến cột (7): Ghi Chi phí khác doanh nghiệp phải nộp theo quy định của pháp luật.*

2. Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức đặt hàng

Trình tự thực hiện	1. Căn cứ văn bản thông báo phương án đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập năm tiếp theo của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đăng ký đặt hàng. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, các doanh nghiệp viễn thông gửi 01 bộ hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc gửi trực tiếp đến Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đăng ký đặt hàng. Thành phần hồ sơ và biểu mẫu đăng ký đặt hàng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có văn bản thông báo kết quả đánh giá đến doanh nghiệp biết để thương thảo hợp đồng. 4. Thương thảo hợp đồng đặt hàng: Trên cơ sở giá dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật và đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông đáp ứng đầy đủ yêu cầu của phương án đặt hàng thương thảo hợp đồng. 5. Phê duyệt quyết định đặt hàng: Trên cơ sở biên bản thương thảo hợp đồng, dự thảo hợp đồng, trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phê duyệt quyết định đặt hàng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoàn thành đánh giá hồ sơ đăng ký đặt hàng của

	doanh nghiệp (không bao gồm thời gian thương thảo hợp đồng và thời gian phê duyệt Quyết định đặt hàng).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đăng ký đặt hàng của doanh nghiệp viễn thông theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng, ngoài đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện: 1. Phương thức đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đã được quy định tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; 2. Dịch vụ viễn thông công ích đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ hoặc dịch vụ viễn thông đã được doanh nghiệp viễn thông tự công bố chất lượng theo tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng đối với các dịch vụ viễn thông không thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng; 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện

	hoạt động viễn thông công ích. - Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

Mẫu số 03, Phụ lục VI

(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Doanh nghiệp viễn thông) Số: …..…./…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v: Đăng ký đặt hàng năm….	*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ:…….;

Căn cứ .....;

Doanh nghiệp….. xin đề xuất đăng ký đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích năm…./giai đoạn… chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Đề nghị Quý Bộ xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận: - Như trên; - …….	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BIỂU 01:
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH, KINH PHÍ ĐƯỢC ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Giai đoạn/Năm : ……
(Kèm theo Văn bản số…… ngày / / của…..)

I. Kế hoạch sản lượng và dự toán kinh phí

STT	**Dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Mức hỗ trợ**	**Ước thực hiện kỳ trước**		**Kế hoạch thực hiện kỳ này**		**Ghi chú**
				Sản lượng	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1								
2								
…..								
	Tổng cộng							

Ghi chú: Đối với năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Doanh nghiệp đề xuất đặt hàng cho cả giai đoạn chương trình có chia theo từng năm.

II. Thuyết minh phương án được đặt hàng

1. Mục tiêu hỗ trợ sử dụng dịch vụ Giai đoạn/năm….

- Chỉ tiêu hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập;
- Chỉ tiêu phổ cập;

2. Phạm vi được đặt hàng hỗ trợ:

3. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích đề xuất được đặt hàng

4. Dự kiến số lượng đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, sản lượng dịch vụ viễn thông bắt buộc đề xuất được đặt hàng

5. Dự toán kinh phí đề xuất được đặt hàng

6. Về chất lượng dịch vụ, kiểm định chất lượng dịch vụ

7. Thời gian đề xuất được hỗ trợ sử dụng dịch vụ

8. Thuyết minh về năng lực cung cấp dịch vụ (Hiện trạng hoạt động của doanh nghiệp, hiện trạng hạ tầng, phương án triển khai liên quan đến đề xuất đặt hàng)

9. Các cam kết tuân thủ khi tham gia đặt hàng

……..

BIỂU 02
ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH CHI TIẾT ĐƯỢC ĐẶT HÀNG
HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
DỊCH VỤ: .....
Kỳ thực hiện:……
(Kèm theo Văn bản số…/…ngày …tháng…..năm….của…..)

I. Kế hoạch sản lượng và dự toán kinh phí

STT	**Tỉnh, thành phố (nếu có)**	**Ước thực hiện kỳ trước**		**Kế hoạch thực hiện kỳ này**		**Ghi chú**
		Sản lượng	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1						
2						
3						
....						

II. Thuyết minh dự toán (nếu có):

……….., ngày…….tháng ….. năm ……

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp viễn thông căn cứ hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Bộ Khoa học và Công nghệ, nhu cầu của đối tượng được hỗ trợ tổng hợp danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập. Doanh nghiệp viễn thông có văn bản gửi cơ quan chuyên môn được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận danh sách đối tượng. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, Cơ quan chuyên môn được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện và thông báo cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp thông báo cho đối tượng sử dụng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN; b) Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04a Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN; c) Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 04b Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do doanh nghiệp gửi, Cơ quan chuyên môn được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp thông báo

	cho đối tượng sử dụng.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN; 2. Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 04a Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN; 3. Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 04b Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Điều kiện đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và dịch vụ doanh nghiệp tham gia cung cấp phù hợp với giấy phép đã được cấp; 2. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định; 3. Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt kế hoạch hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích. - Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện

	một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

Mẫu số 04, Phụ lục IV

(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN ……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng được hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**			**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1										
2										
…										

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, doanh nghiệp viễn thông/cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập (tổng hợp) danh sách đăng ký (tăng) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ các đối tượng có nhu cầu nhận hỗ trợ và gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ để xác nhận.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo,…. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

Mẫu số 04a, Phụ lục IV

(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN ……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng … năm …

Doanh nghiệp(*): …….

(Kèm theo văn bản số … ngày … tháng … năm … của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**			**Văn bản đã xác nhận đối tượng**	**Lý do giảm**	**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ …*	*Dịch vụ …*	*…*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu: Hằng tháng, doanh nghiệp viễn thông lập danh sách các đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để thực hiện điều chỉnh giảm danh sách đối tượng đã được xác nhận; ghi lý do theo hướng dẫn tại cột (9) dưới đây.

(*) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ lập danh sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Thông tư này

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 5, cột 6, cột 7: Đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 8: Ghi số ký hiệu của Văn bản và ngày phê duyệt văn bản đã xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 9: Ghi lý do đưa đối tượng ra khỏi danh sách được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

+ Trường hợp 1: Đối tượng không còn là đối tượng hỗ trợ sử dụng viễn thông phổ cập (TH1);

+ Trường hợp 2: Đối tượng chuyển sang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp khác (TH2);

+ Trường hợp 3: Đối tượng không còn nhu cầu được hỗ trợ (TH3);

+ Trường hợp 4: Đối tượng đã quá 02 (hai tháng) kể từ ngày được xác nhận nhưng chưa sử dụng dịch vụ (TH4);

+ Trường hợp 5: Các trường hợp giảm khác theo quy định (TH5).

Mẫu số 04b, Phụ lục IV

(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN……..

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Doanh nghiệp(*): …….

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng được hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Thông tin sau điều chỉnh**						**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Mã xã*	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	*Số định danh của đối tượng được hỗ trợ*	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	
										Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

Hướng dẫn cách ghi biểu: Biểu mẫu này do doanh nghiệp viễn thông/cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập danh sách
đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin và gửi cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác nhận.

(*) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ lập danh sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Thông tư này

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

- Cột C, cột 6: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

- Cột 1, cột 7: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.
- Cột 2, cột 8: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 3, cột 9: Ghi tên tổ dân phố, thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo, …. theo địa chỉ thường trú của đối tượng nhận hỗ trợ.
- Cột 5 đến cột 10: Ghi thông tin sau điều chỉnh của đối tượng nhận hỗ trợ.